

Bản án số: 17/2021/HS-ST

Ngày: 05-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị A.

Bà Trần Thị Ngọc Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu N; sinh năm: 1987 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường Đ, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; nơi ở:/(không có nơi ở nhất định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà: Lương Thị Ngọc Y; vợ: Vũ Thị Thu T; tiền án: 01 (ngày 23/11/2002 bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng xử phạt 02 năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo Bản án số 67/HSST); tiền sự: Không; nhân thân: Không tốt; bị bắt giữ ngày: 25/9/2020.

(Bị cáo có mặt).

- Bị hại:

1/Bà Huỳnh Lê Thanh T – Sinh năm: 1974 (vắng mặt).

HKTT: Q, Phường F, quận T, TP.HCM.

Tạm trú: đường N, Phường B, quận B, TP.HCM.

2/Bà Nguyễn Thị N1 – Sinh năm: 1986 (có mặt).

HKTT: đường C, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Tạm trú: đường S, Phường B, Quận B, TP.HCM.

3/Bà Huỳnh Lê Thanh T1 – Sinh năm: 1977 (có mặt).

HKTT: Q, Phường F, quận T, TP.HCM.

Tạm trú: đường N, Phường B, quận B, TP.HCM.

4/Bà Nguyễn Thị Thu H – Sinh năm: 1967 (có mặt).

HKTT: đường X, Phường R, quận B, TP.HCM.

5/Bà Trịnh Thị T2 – Sinh năm: 1991 (có mặt).

HKTT: xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Tạm trú: đường N, Phường B, quận B, TP.HCM.

6/Ông Từ Đại Q – Sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Thường trú: Q, Phường F, quận T, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Không có nghề nghiệp nhưng muốn có tiền để tiêu xài, nên Nguyễn Hữu N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể: N mua 01 bộ quân phục, 01 cặp ve hàm cấp bậc thiếu tá, bảng tên, con dấu khắc tên của N và dấu chức danh “Phó giám đốc” để giả danh là sỹ quan quân đội. Khoảng giữa tháng 01/2020, N làm quen với bà Nguyễn Thị N1 và tự xưng là thiếu tá quân đội, Phó giám đốc Công ty Xây dựng 789 thuộc Bộ Quốc phòng. Nhằm mục đích chiếm đoạt tiền, N nói với bà N1 là mình có mối quan hệ rộng nên có khả năng lo được công việc và các loại giấy tờ. Để tạo sự tin tưởng N thường mặc đồ quân phục, chụp hình khoe với bà N1 và những người quen của bà N1. Thông qua bà N1 giới thiệu, bà Huỳnh Lê Thanh T1 quen biết N. Bà T1 cần làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho di của bà là bà Lê Thị Thanh T2 tại địa chỉ 207/19/18/12 Bạch Đằng, Phường 15, quận Bình Thạnh nhưng làm chưa được do diện tích đất dưới mức tối thiểu của Nhà nước quy định để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, N nói quen biết nhiều nên có thể làm được giấy cho bà T1 với số tiền chi phí là 101.700.000 đồng và bà T1 đã đồng ý, ngày 05/02/2020 tại số

521/80/6 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 13, Quận 10 bà T1 đã giao cho N số tiền 41.700.000 đồng, ngày 27/02/2020 tại số 1040 Trường Sa, Phường 12, Quận 3, bà T1 giao tiếp cho N số tiền 30.000.000 đồng và ngày 20/02/2020 bà T1 đã chuyển vào tài khoản 060188275799 của N mở tại Ngân hàng Sacombank số tiền 30.000.000 đồng; sau khi nhận được tiền của bà T1, N chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết; do sợ bị phát hiện, N thuê một đối tượng trên mạng làm giả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang đến cho bà T2 xem rồi lấy lại với lý do chưa thẩm định xong và đưa bà T2 giữ bản photo; thấy N có biểu hiện nghi ngờ, bà T1 mang bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Bình Thạnh kiểm tra thì được biết các thông tin trên giấy là giả; bà T1 nhiều lần yêu cầu trả lại tiền nhưng N tránh mặt; biết mình bị lừa nên bà T1 đến Công an Phường 13, Quận 10 trình báo; đến ngày 25/9/2020, bà T1 phát hiện N đang ở phòng trọ số 72/52 Tỉnh lộ 10, Liên khu 16 – 18 phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân nên bắt giữ, giải giao N đến Công an Phường 13 Quận 10. Vụ việc được Công an Phường 13, Quận 10 lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Quá trình điều tra còn xác định được với thủ đoạn tương tự Nguyễn Hữu N đã thực hiện chiếm đoạt tiền, tài sản của một số người khác như sau:

Vụ thứ nhất: Sau khi giả vờ hẹn hò với bà Nguyễn Thị N1, khoảng giữa tháng 01/2020, N nói dối bà N1 là bị mất bóp tiền và giấy tờ nên kêu bà N1 cầm xe lấy tiền cho N mượn, hẹn đến ngày 26/01/2020 thì trả. Bà N1 đồng ý, mang xe mô tô Sirius biển số: 52S4-8284 đến tiệm cầm đồ Thế Dương, số 332 Tân Hòa Đông, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân cầm được 5.000.000 đồng đưa N mượn. Khi đến hạn, bà N1 kêu N đưa tiền để chuộc xe thì N tiếp tục nói dối là đang làm lại thẻ Ngân hàng nên chưa rút được tiền. Đồng thời với ý định muốn chiếm đoạt luôn chiếc xe của bà N1, N đã nói dối bà N1 đưa biên nhận cầm đồ để N chủ động đi chuộc xe. Đến cuối tháng 02/2020 N chuộc xe về nhưng không báo cho bà N1 biết mà giữ sử dụng được khoảng 1 tuần rồi chiếm đoạt xe, cầm và bán chiếc xe trên lấy tiền tiêu xài, hiện không thu hồi được. Bà N1 đã nhiều lần gọi điện đòi tài sản nhưng N hứa hẹn rồi lần tránh. Ngày 24/9/2020, bà N1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận 10 trình báo.

Tại Kết luận định giá tài sản số 839/KL-ĐGTS ngày 15/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 10 xác định xe mô tô hiệu Sirius BS: 52S4-8284, vào thời điểm ngày 23/01/2020, trị giá là: 7.500.000 đồng.

Vụ thứ 2: Ngày 18/01/2020 tại số 1040 đường Trường Sa, Phường 12, Quận 3, Nguyễn Hữu N nhận làm sổ hộ khẩu của gia đình cho bà Huỳnh Lê Thanh T (là người quen của bà N1) với chi phí 3.000.000 đồng. Bà T đồng ý và

đã giao tiền cho N. Sau khi nhận tiền, N không làm và đã tiêu xài hết số tiền. Khi bà T hỏi kết quả thì N giả vờ nói là người làm hộ khẩu của bà T đi công tác nên chưa làm xong, sau đó N lẩn tránh. Ngày 24/9/2020, bà T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận 10 trình báo.

Vụ thứ 3: Thông qua giới thiệu của bà Huỳnh Lê Thanh T, bà Nguyễn Thị Thu H quen biết Nguyễn Hữu N. Khoảng tháng 02/2020 N nhận giúp chuyển cho con của bà H là Bùi Nhật H, đang thi hành N vụ quân sự tại Lữ đoàn 25 Công binh thuộc Quân khu 7, đóng quân tại tỉnh Đồng Nai về thi hành N vụ quân sự tại nội thành Thành phố Hồ Chí Minh hoặc xuất ngũ trước thời hạn. N yêu cầu bà H đưa 120.000.000 đồng làm chi phí. Bà H đồng ý đã chuyển vào tài khoản số: 060188275799 của N mở tại Ngân hàng Sacombank số tiền 107.000.000 đồng và đưa cho N số tiền 13.000.000 đồng tại nhà của bà H, số 801/17 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh. Sau khi nhận tiền N không làm gì cả và sử dụng số tiền để tiêu xài hết. Ngày 24/9/2020, bà H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 trình báo sự việc.

Vụ thứ 4: Khoảng tháng 02/2020, bà Trịnh Thị T2 là người quen của bà Huỳnh Lê Thanh T có nhu cầu xin giấy phép sửa chữa nhà và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 107 Tổ 10 đường Nơ Trang Long, Phường 13, quận Bình Thạnh. N nói có quen biết và nhận làm cho bà T2 với số tiền là 39.000.000 đồng. Bà T2 đồng ý và đã giao cho N số tiền 9.000.000 đồng. Sau đó tại nhà số 1040 Trường Sa, Phường 12, Quận 3, thông qua Bà T1, Bà T2 đã giao cho N số tiền 30.000.000. Sau khi nhận tiền, N cũng không làm gì mà đã tiêu xài hết số tiền của bà T2 đưa cho rồi lẩn trốn. Ngày 24/9/2020, bà T2 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 trình báo.

Vụ thứ 5: Khoảng cuối tháng 01/2020, anh Từ Đại Q (cháu của Bà T1) bị Đội Cảnh sát giao thông Công an quận Phú Nhuận giữ giấy phép lái xe ô tô do vi phạm giao thông. Anh Quý nhờ N giấy phép lái xe ra thì N kêu anh Q đưa số tiền 2.000.000 đồng làm chi phí. Sau khi nhận tiền, N chiếm đoạt tiêu xài rồi lẩn trốn. Ngày 24/9/2020, anh Quý đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 trình báo.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Nguyễn Hữu N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. N khai bản thân không có việc làm, không quen biết ai tại Thành phố Hồ Chí Minh, không biết làm các giấy tờ nhưng bị can N nhận tiền của các bị hại nhằm chiếm đoạt tiêu xài cá nhân, đánh bạc và chơi số đề hết. Đối với bộ đồ quân phục, quân hàm thiếu tá, bảng tên, con dấu và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Lê Thị Thanh T2, N khai đặt mua ở trên mạng xã hội và trong quá trình lẩn tránh các bị hại N đã vứt bỏ. Cơ

quan điều tra không thu hồi được. Qua xác minh Công ty Xây dựng 789 thuộc Bộ Quốc phòng không có ai tên Nguyễn Hữu N làm việc tại đây.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố điều tra đối với Nguyễn Hữu N về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 49K1-455.55, số khung: RLCUE371KY003082; số máy: E32VE011879. Qua xác minh số khung, số máy của xe thu giữ, có biển số là 49K1-655.24 do Nguyễn Hữu N đứng tên đăng ký sở hữu; biển số 49K1-455.55 là biển số cấp cho xe khác. N khai xe do N đứng tên đăng ký sở hữu, có biển số thật là 49K1-655.24 nhưng N đã tháo ra vứt bỏ, thay biển số 49K1-455.55 nhét được trên đường vào xe để sử dụng làm phương tiện dùng vào việc thực hiện hành vi tội phạm.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng bà Huỳnh Lê Thanh T cho N mượn và 2.000.000 đồng bà Nguyễn Thị N1 cho N mượn, bà T1 và bà N1 xác nhận đây là vay mượn dân sự, không yêu cầu giải quyết tại vụ án này.

Tại Cáo trạng truy tố số 05/CT-VKSQ10 ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Nguyễn Hữu N về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án; về phía bị hại vẫn giữ nguyên lời khai và yêu cầu cụ thể như sau:

Bà Huỳnh Lê Thanh T1 yêu cầu N bồi thường số tiền 101.700.000 đồng bị chiếm đoạt; bà Nguyễn Thị N1 yêu cầu N bồi thường trị giá chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt là 7.500.000 đồng; bà Huỳnh Lê Thanh T yêu cầu N bồi thường số tiền 3.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu N số tiền 120.000.000 đồng; bà Trịnh Thị T2 yêu cầu N bồi thường số tiền 39.000.000 đồng; ông Từ Đại Q yêu cầu N bồi thường số tiền 2.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại, nêu lên những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (Tái phạm, phạm tội nhiều lần), giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải); đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3, 5 Điều 174; khoản 1 Điều 53; điểm b, h, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo:

Nguyễn Hữu N từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù phạt bổ sung đối với bị cáo 10.000.000 đồng.

Đề nghị xử lý trách nhiệm và các biện pháp tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.

- Ý kiến của các bị hại: Các bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, nhưng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình; qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, nội dung chuyển tiền qua hệ thống ngân hàng, vật chứng thu giữ được, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối, làm cho các bị hại tin

tưởng giao tài sản và chiếm đoạt tài sản trị giá tổng cộng là 273.200.000 đồng, nên bị cáo bị truy tố và xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản từ 02 lần trở lên (06 lần), bản thân không có nghề nghiệp và lấy đó làm nguồn sống chính; về nhân thân: Ngày 23/11/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng xử phạt 02 năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo Bản án số 67/HSST, bị cáo đã kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý, nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, hành vi này là tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); do vậy bị cáo bị áp dụng thêm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (phạm tội từ 02 lần trở lên, phạm tội mang tính chất chuyên nghiệp, tái phạm) theo quy định tại điểm b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); đồng thời căn cứ vào khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền, nộp ngân sách Nhà nước.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là 273.200.000 đồng (bà Huỳnh Lê Thanh T1: 101.700.000 đồng; bà Nguyễn Thị N1: 7.500.000 đồng; bà Huỳnh Lê Thanh T: 3.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thu H: 120.000.000 đồng; bà Trịnh Thị T2: 39.000.000 đồng; ông Từ Đại Q: 2.000.000 đồng), các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản tiền tương ứng đã bị chiếm đoạt; xét

yêu cầu của các bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật; vậy căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Hữu N bồi thường khoản tiền 273.200.000 đồng, cụ thể như sau: Bà Huỳnh Lê Thanh T1: 101.700.000 đồng; bà Nguyễn Thị N1: 7.500.000 đồng; bà Huỳnh Lê Thanh T: 3.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thu H: 120.000.000 đồng; bà Trịnh Thị T2: 39.000.000 đồng; ông Từ Đại Q: 2.000.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 49K1-455.55, số khung: RLCUE371KY003082; số máy: E32VE011879. Qua xác minh số khung, số máy của xe thu giữ, có biển số là 49K1-655.24 do Nguyễn Hữu N đứng tên đăng ký sở hữu (đăng ký vào ngày 24/10/2019); Biển số 49K1-455.55 là biển số cấp cho xe khác. N khai xe do N đứng tên đăng ký sở hữu, có biển số thật là 49K1-655.24 nhưng N đã tháo ra vứt bỏ, thay biển số 49K1-455.55 nhặt được trên đường vào xe để sử dụng làm phương tiện đi lại, là phương tiện dung vào việc thực hiện tội phạm; do vậy căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với biển số 49K1-455.55, lưu hành bất hợp pháp; do vậy căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, tiêu hủy.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3, 5 Điều 174; khoản 1 Điều 53; điểm b, g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Hữu N;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2020.

- Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; buộc: Bị cáo Nguyễn Hữu N bồi thường các khoản tiền tương ứng cho từng bị hại, cụ thể như sau:

+ Bà Huỳnh Lê Thanh T1: 101.700.000 (một trăm lẻ một triệu bảy trăm ngàn) đồng.

+ Bà Nguyễn Thị N1: 7.500.000 (bảy triệu năm trăm ngàn) đồng.

+ Bà Huỳnh Lê Thanh T: 3.000.000 (ba triệu) đồng.

- + Bà Nguyễn Thị Thu H: 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.
- + Bà Trịnh Thị T2: 39.000.000 (ba mươi chín triệu) đồng.
- + Ông Từ Đại Q: 2.000.000 (hai triệu) đồng

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc mô tô không biển số (loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: HONDA, số loại: AIRBLADE, màu sơn: Đen, dung tích xi lanh: 124, số khung: RLHJF630XFZ636205, số máy: JF63E1165885).

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, tiêu hủy: 01 biển số 49K1-455.55.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/12/2020 giữa Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc: Bị cáo N chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 13.660.000 (mười ba triệu sáu trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo bản án.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, các bị hại có mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.10; (2)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (7)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Triệu Luật